

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 792/2026/DS-PT
Ngày: 17 - 6 - 2026
Về việc “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Lành
Các Thẩm phán: Bà Dương Thuý Hằng
Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Giúp, *Kiểm sát viên.*

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2026/DS-ST ngày 16/3/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 420/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Thu L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số B, T, tổ B, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2026)
(Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số D, Ấp P, xã D, tỉnh Tây Ninh.

Cư trú tại: Khu Phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh; (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Phú T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số A, Đường G Khu Phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Ông Bùi Duy T1, sinh năm 1972

Địa chỉ: số B, T, tổ B, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Lê Phú T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/01/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Đào Thị Thu L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Khắc Chính thống NI trình bày:

Giữa bà L và bà Đ quen biết nhau. Trong quá trình đó, bà L có cho bà Đ mượn tiền nhiều lần, đến ngày 04/12/2024 bà Đ có viết giấy chót tổng số tiền thiếu tổng cộng là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), các bên thỏa thuận sau khi tách sổ làm giấy đất sẽ vay ngân hàng trả nợ cho bà L. Đến ngày 07/10/2025 bà Đ có ký với bà L 01 giấy mượn tiền, bà Đ mượn tổng cộng 02 lần, lần 1 mượn số tiền 300.000.000 đồng, lần 2 mượn 104.000.000 đồng, tổng cộng hai lần nợ số tiền 404.000.000 đồng (bốn trăm lẻ bốn triệu đồng) hẹn đến ngày 10/5/2025 sẽ trả cho bà, giấy nợ bà Đ viết và chụp hình gửi qua Zalo cho bà, do tin tưởng nhau nên bà cũng không lấy giấy nợ gốc lại. Tổng cộng các lần mượn tiền bà Đ có thiếu bà L số tiền là 1.704.000.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu bà Đ, ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng), bà L không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà Đ, ông T không còn thiếu bà L bất kỳ khoản nợ nào nữa.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Bà Đ thừa nhận có mượn bà L các khoản tiền như bà L, ông C trình bày. Nay bà xác định còn thiếu bà L số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng), bà đồng ý trả cho bà L số tiền này và xin bà L không tính lãi, ngoài ra bà không còn thiếu bà L bất kỳ khoản tiền nào nữa.

Trong quá trình làm việc bà Đ thừa nhận khoản tiền vay của bà L mục đích là bà mượn để đáo hạn ngân hàng của các khoản vay của vợ chồng và mua bán bất động sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Duy T1 trình bày:

Ông là chồng của bà L, số tiền bà L cho bà Đ, ông T vay là tài sản chung của vợ chồng, việc bà L khởi kiện bà Đ, ông T vay ông đều biết, giấy mượn tiền là do

bà Đ lại nhà ông bà viết và ký tên, nay ông thống nhất để bà L toàn quyền quyết định, ông không có ý kiến gì trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phú T trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng có vay tiền của ngân hàng nhưng khi đáo hạn ngân hàng thì ông là người lo tiền để đáo hạn, nhưng ông có nghe ông L1 là người quen của ông nói bà Đ có mượn của bà L số tiền 1.200.000.000 đồng thời gian năm 2024 chứ không phải số tiền 1.700.000.000 đồng như bà L khởi kiện, ông nghĩ đây là tiền gốc và tiền lãi, mặt khác khi mượn tiền của bà L thì ông không có cùng bà Đ mượn tiền bà L, bà L cũng không có đưa tiền cho ông. Do đó ông không đồng ý trả cho bà L số tiền này.

Tại Bản án sơ thẩm 53/2026/DS-ST ngày 16/3/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Thu L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lê Phú T:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lê Phú T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Đào Thị T2 Lý số tiền nợ gốc 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Đào Thị Thu L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lê Phú T phải chịu 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Đào Thị Thu L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Đào Thị Thu L 31.776.000 đồng (ba mươi một triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006914, ngày 13 tháng 10 năm 2025 và biên lai thu số 0002208 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2026 ông Lê Phú T kháng cáo theo hướng yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, ông T không đồng ý liên đới cùng bà Đ trả nợ cho bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Phú T trình bày: Ông không biết các khoản vay mà bà Đ vay của bà L, ông không ký tên giấy nhận nợ, không nhận tiền. Số tiền bà Đ vay không dùng để trả ngân hàng như cấp sơ thẩm nhận định. Do đó không đồng ý liên đới cùng bà Đ trả nợ cho bà L.

Bị đơn Nguyễn Thị Hồng Đ không kháng cáo nhưng đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T. Bà Đ trình bày, khi vay tiền của bà L bà nói với bà L là vay để đáo hạn ngân hàng nhưng thực tế bà sử dụng vào mục đích riêng. Số tiền thực tế bà vay

bà L là 1.000.000.000 đồng, số tiền 704.000.000 đồng là tiền lãi. Ông T không biết việc bà vay tiền của bà L. Bà Đ cung cấp tài liệu là bản kê chuyển khoản số tiền bà đã trả lãi cho bà L và Hợp đồng cấp tín dụng ngày 05/3/2024, cấp cho ông T, bà Đ. Bà Đ đề nghị cấp phúc thẩm khấu trừ số tiền lãi đã trả vào số nợ gốc và xác định số tiền bà Đ vay của bà L là nợ riêng của bà Đ, không liên quan đến ông T.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người có quyền nghĩa vụ liên quan Lê Phú T. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không thừa nhận số tiền bà Đ chuyển khoản cho bà L là tiền trả lãi của khoản vay mà bà L khởi kiện vì bà Đ và bà L có nhiều giao dịch khác nhau. Bà Đ không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc trả lãi nên nguyên đơn không chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Lê Phú T nộp trong thời hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Duy T1 vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Phú T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số nợ: Tại cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng Đ thừa nhận nợ bà Đào Thị T2 Lý số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng, ông nghe nói bà Đ chỉ vay 1.200.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Bà Đ trình bày chỉ vay số tiền 1 tỷ đồng, số tiền còn lại là tiền lãi. Nguyên đơn không thừa nhận việc này. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm, bà Đ thừa nhận nợ bà L 1,7 tỷ đồng. Bà Đ không kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bà lại trình bày chỉ vay 01 tỷ đồng, phần còn lại là lãi. Ông T kháng cáo cho rằng bà Đ chỉ vay 1,2 tỷ đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả vào nợ gốc: Tại phiên tòa sơ thẩm,

bà Đ không trình bày về nội dung này và cũng không kháng cáo. Nguyên đơn cũng không thừa nhận việc bị đơn có trả lãi nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nghĩa vụ liên đới: Cấp sơ thẩm buộc ông T liên đới cùng bà Đ trả số nợ gốc 1,7 tỷ đồng cho bà L. Xét thấy:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lê Phú T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là Phường N, tỉnh Tây Ninh). Bà Đ thừa nhận có mượn tiền của bà L để làm hồ sơ đáo hạn ngân hàng cho khoản vay của vợ chồng và mua bán bất động sản. Ông T không thừa nhận có vay tiền của bà L, giấy nợ thể hiện có một mình bà Đ ký tên. Xét thấy, mặc dù ông T không ký tên trong các giấy nợ bà Đ vay tiền của bà L nhưng số tiền bà Đ vay trong thời kỳ hôn nhân. Ông T không ký tên nhưng biết việc bà Đ vay tiền, thể hiện tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của ông T (BL87,73): Theo đó, ông T đồng ý cùng bà Đ tìm phương án trả nợ cho bà L. Ông T thừa nhận có nghe ông L1 ở ngân hàng nói bà Đ có mượn bà L số tiền 1.200.000.000 đồng để hùn mua bán đất và cho bạn bè mượn lại và ông thống nhất đồng ý liên đới cùng bà Đ trả nợ cho bà L nhưng ông yêu cầu xem lại số tiền bà L khởi kiện vì ông cho rằng đây là tiền gốc và tiền lãi. Ông T cũng thừa nhận ông là người cùng bà Đ ký hồ sơ thế chấp tài sản của vợ chồng để vay ngân hàng. Hợp đồng tín dụng bị đơn cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện việc bị đơn có đáo hạn ngân hàng tại thời điểm vay tiền của bà L. Ông T cho rằng ông là người trả tiền cho ngân hàng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, lời trình bày của bà Đ về việc vay tiền của bà L để trả nợ khoản nợ chung vay ngân hàng của vợ chồng bà Đ, ông T là có căn cứ.

Từ nhận định trên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông Lê Phú T có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đ trả cho bà L số tiền 1,7 tỷ đồng.

[3] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng bản chất vụ án, áp dụng đúng pháp luật. Ông Lê Phú T kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí:

Án phí phúc thẩm dân sự:

Do kháng cáo ông Lê Phú T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Phú T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2026/DS-ST ngày 16-3-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Phú T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0006271 ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 11 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thuý Lành